

Số: 177/QĐ-ĐHCVA

Hưng Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Thạc sĩ định hướng ứng dụng
Ngành Quản lý kinh tế
Mã ngành: 8340410

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-HĐT ngày 06/09/2021 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Chu Văn An;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản lý kinh tế;

Xét đề nghị của Trường Phòng Quản lý đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và Trường Khoa Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Chu Văn An (kèm theo chương trình đào tạo).

Điều 2. Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản lý kinh tế được thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Chu Văn An và đáp ứng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trưởng các phòng chức năng, Trường Khoa Kinh tế, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐT, Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thế Liên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ
KHOA PHỤ TRÁCH: KINH TẾ

Năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

*(Ban hành theo Quyết định số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An)*

PHẦN 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

Tên tiếng Việt: Quản lý kinh tế

Tên tiếng Anh: Economic Management

Mã ngành đào tạo: 8340410

Thời gian đào tạo: **1,5 - 2 năm**

Danh hiệu tốt nghiệp: **Thạc sĩ**

Tên văn bằng tốt nghiệp: Tiếng Việt: **Thạc sĩ Quản lý kinh tế**

Tiếng Anh: Master of Economic Management

Đơn vị thực hiện: **Khoa Kinh tế**

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng có mục tiêu chủ yếu là cung cấp cho người học kiến thức tổng quát và chuyên sâu về quản lý kinh tế; các kiến thức về xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược và chính sách kinh tế, kinh doanh của Nhà nước, địa phương, tổ chức và doanh nghiệp; các công cụ, phương pháp phân tích, nghiên cứu, đánh giá, giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế tại địa phương, tổ chức và doanh nghiệp nhằm thích nghi với những biến đổi của môi trường kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp cho người học:

Các kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý, phát triển kinh tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Các kiến thức về xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp.

Các kiến thức tổng quát về kinh tế, hoạt động của nền kinh tế thị trường và quản lý nhà nước về kinh tế, các kiến thức chung về pháp luật, pháp luật kinh tế, kiến thức

chung về xã hội có liên quan đến quản lý kinh tế.

Các phương pháp, công cụ thu thập, phân tích, xử lý thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Phương pháp truyền đạt tri thức về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.

Phương pháp tổ chức, thực thi các chính sách kinh tế của Nhà nước và của địa phương, phương pháp xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển kinh tế của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp.

Phương pháp nghiên cứu, đánh giá tổng hợp, hoàn thiện và cải tiến các hoạt động quản lý kinh tế của địa phương, của tổ chức và doanh nghiệp.

Khả năng phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Chương trình Thạc sĩ Quản lý Kinh tế phù hợp cho các đối tượng sau:

- Cán bộ làm công tác quản lý trong khu vực nhà nước ở các địa phương, các đơn vị hành chính sự nghiệp và dịch vụ công và các tổ chức doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

- Cán bộ trẻ thuộc diện quy hoạch cán bộ trong khu vực nhà nước ở các địa phương, các đơn vị hành chính sự nghiệp và dịch vụ công và các tổ chức doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

- Cán bộ đang làm trong cơ quan quản lý kinh tế - xã hội ở các địa phương các đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp nhưng chưa được đào tạo chính quy về kiến thức quản lý kinh tế.

- Những người dự định sẽ tham gia làm việc trong khu vực nhà nước ở các địa phương, các đơn vị, tổ chức muốn trang bị nền tảng kiến thức chuyên môn về quản lý kinh tế một cách vững chắc và kỹ năng thiết yếu để có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và thăng tiến trong sự nghiệp.

- Những người đang làm việc hoặc có dự định sẽ làm việc cho các khu vực tư nhân trong các lĩnh vực có liên hệ chặt chẽ với khu vực nhà nước muốn trang bị những hiểu biết về các vấn đề kinh tế-xã hội.

- Những người muốn trang bị các kiến thức về quản lý kinh tế - xã hội và các phương pháp phân tích nhằm phục vụ nhu cầu học tập cao hơn ở bậc nghiên cứu sinh chuyên ngành Kinh tế phát triển.

3.2. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Người dự tuyển vào học chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế phải thoả mãn các điều kiện của đối tượng đào tạo như sau:

- *Về bằng cấp:*

- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp được xét tuyển ngay
- + Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp gần được chia thành ngành phù hợp 1, ngành phù hợp 2, ngành phù hợp 3 và đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

- *Về ngoại ngữ:*

Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Đối với người nước ngoài: Phải có chứng chỉ B4 theo khung năng lực Tiếng Việt 6 bậc dành cho người nước ngoài do các đơn vị có thẩm quyền cấp.

- *Về thâm niên công tác:*

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành phù hợp và ngành phù hợp 1, ngành phù hợp 2: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành phù hợp 3: Phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định.

- Có đủ các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn theo quy định của TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN.

4. Ngành phù hợp và môn học bổ sung kiến thức

4.1. Ngành phù hợp trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ, có cùng tên trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV, trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành (Khoản 4, điều 2, thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ). Và những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý, phân chia thành 02 nhóm ngành theo mức độ phù hợp 1, phù hợp 2, ngành phù hợp 3.

4.2. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 1, phù hợp 2 và ngành phù hợp 3 với ngành đào tạo thạc sĩ theo quy định phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học của Trường.

4.2.1. Danh mục các ngành phù hợp, ngành phù hợp gần

- Ngành phù hợp: Quản lý kinh tế

- Ngành phù hợp gần:

+ Ngành phù hợp 1: Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại; Kế toán; Kiểm toán; Tài chính ngân hàng; Khoa học quản lý;...

+ Ngành phù hợp 2: Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Bảo hiểm; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Quản trị nhân lực; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Kinh doanh bất động sản; Quản lý công; Quản trị văn phòng; Quản lý dự án; Quản lý thông tin; Kinh doanh thời trang và dệt may; Khoa học quản lý; Quản lý công nghiệp; Quản lý nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Quản lý đô thị và công trình; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;...

+ Ngành phù hợp 3: Công nghệ; Kỹ thuật; Khoa học tự nhiên; kiến trúc; xây dựng; công nghệ thông tin; luật; ngoại ngữ; y khoa; chính trị; văn hóa - nghệ thuật; thể dục thể thao; mỹ thuật; ...

4.2.2. Danh mục các môn cần học bổ sung kiến thức

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ngành phù hợp 1	Ngành phù hợp 2	Ngành phù hợp 3
1	Khoa học quản lý	3	x	x	x
2	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	x	x	x
3	Marketing căn bản	3	x	x	x
4	Kinh tế quốc tế	3		x	x
5	Kinh tế phát triển	3		x	x
6	Kinh tế vi mô	3			x
7	Kinh tế vĩ mô	3			x
8	Tài chính công	3			x
9	Quản trị nguồn nhân lực	3			x
	Tổng số tín chỉ	27	9	12	27

5. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên phải tham gia quá trình đào tạo tích lũy đủ kiến thức và đáp ứng những yêu cầu sau đây:

5.1. Đảm bảo các điều kiện bảo vệ Đề án

Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Thông tư 24/2021/TT-BGD-ĐT ngày

08/09/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 06 bậc dùng cho Việt Nam); Đối với người nước ngoài là bậc 4/6 theo Khung năng lực Tiếng Việt 6 bậc dùng cho người nước ngoài;

Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là Đề án đạt các yêu cầu theo quy định;

Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong Đề án.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Có đủ điều kiện bảo vệ Đề án theo quy định.

Điểm Đề án đạt từ 5,5 trở lên.

Đã nộp Đề án được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc Đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá Đề án và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

Đã công bố công khai toàn văn Đề án trên website của cơ sở đào tạo quy định.

6. Chuẩn đầu ra

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo này có khả năng như sau:

Mã số CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Chuẩn về kiến thức	
KT1	Hiểu kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý, phát triển kinh tế của địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
KT2	Vận dụng kiến thức về xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp.
KT3	Vận dụng được các kiến thức tổng quát về kinh tế, hoạt động của nền kinh tế thị trường và quản lý nhà nước về kinh tế, các kiến thức chung về pháp luật, pháp luật kinh tế, kiến thức chung về xã hội có liên quan đến quản lý kinh tế.
Chuẩn về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)	

KN1	Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích để thu thập, xử lý thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
KN2	Có kỹ năng truyền đạt tri thức về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.
KN3	Có kỹ năng tổ chức, thực thi các chính sách kinh tế của Nhà nước và của địa phương, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển kinh tế của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp.
KN4	Có kỹ năng nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách, hoạt động quản lý kinh tế của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp.
Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
TC1	Có năng lực tổ chức nghiên cứu thực tế kinh tế của địa phương, tổ chức xây dựng các chính sách kinh tế, chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển kinh tế của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp.
TC2	Có khả năng thích nghi, tự định hướng trong môi trường kinh tế - xã hội biến động.
TC3	Có khả năng đưa ra những kết luận, đánh giá và bảo vệ quan điểm mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
TC4	Có khả năng đánh giá tổng hợp và đề xuất cải tiến các hoạt động quản lý kinh tế của địa phương, của tổ chức và doanh nghiệp.
Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học	
CNN1	Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Thông tư 24/2021/TT-BGD-ĐT ngày 08/09/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
CTH1	Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (trình độ CNTT cơ bản theo quy định Thông tư 03/2014/TT-BTTTT)
CTH2	Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Ecopark Việt Nam về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3: Có kiến thức căn bản về máy tính (phần cứng, phần mềm, biểu diễn dữ liệu trên máy tính, mạng máy tính, vấn đề tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính, tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet, vấn đề an toàn thông tin).

7. Triển vọng nghề nghiệp

Có thể trở thành nhà lãnh đạo, quản lý tại địa phương, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp.

Có thể đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc cán bộ chuyên môn cao tại các địa phương, tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước về lĩnh vực quản lý kinh tế .

Có thể trở thành giảng viên các trường đại học, cao đẳng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Có thể đảm đương chức vụ quản lý hoặc nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu về kinh tế và quản lý.

8. Phương pháp giảng dạy và đánh giá học phần

8.1. Phương pháp giảng dạy

- Sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong quá trình đào tạo, kết hợp trực tiếp với trực tuyến, khuyến khích và tạo cơ hội cho học viên tích cực chủ động sáng tạo, từ đó nâng cao khả năng phân tích, phát triển và giải quyết các vấn đề.

- *Giảng dạy trên lớp:*

- + Bài giảng trực tiếp của giảng viên.
- + Thảo luận theo nhóm và trình bày theo nhóm.
- + Bài tập tình huống.

- *Tự học:*

- + Học viên phải tự nghiên cứu bài giảng do giảng viên cung cấp trước.
- + Mỗi môn học ngoài thời lượng chuẩn quy định trên lớp phải dành thời gian tương ứng để thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu.
- + Tự làm các bài tập, viết chuyên đề theo yêu cầu của giảng viên.

- *Phương pháp thực hành, hội thảo:*

- + Học viên sẽ tham quan thực tế để trao đổi kinh nghiệm.
- + Học viên sẽ tham dự một số buổi hội thảo khoa học có chủ đề cụ thể tập trung vào một số vấn đề có liên quan đến nội dung nghiên cứu. Tổ chức thảo luận theo nhóm.

- *Giảng viên*

+ Giảng viên giảng dạy: Là các giảng viên của trường Đại học Chu Văn An; các cộng tác viên đến từ các trường Đại học các Viện nghiên cứu đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/8/2021.

- *Tài liệu giảng dạy:* Tài liệu giảng dạy gồm:

- + Giáo trình.
- + Bài giảng của giảng viên.
- + Tài liệu đọc thêm bắt buộc do giảng viên quy định.
- + Tài liệu tham khảo được các giảng viên giới thiệu.

8.2. Phương pháp đánh giá học phần:

- Giảng viên giảng dạy môn học tổ chức và thực hiện đánh giá kết quả làm bài kiểm tra,

bài tập, tiểu luận và và thi kết thúc học phần của từng học viên theo yêu cầu của đề cương chi tiết môn học.

- Điểm đánh giá môn học được chấm theo thang điểm 10.
- Điểm môn học là tổng các điểm thành phần nhân với hệ số theo quy định trong đề cương chi tiết môn học, lấy đến 01 chữ số thập phân.
- Môn học đạt yêu cầu khi điểm môn học đạt từ 4,0 điểm trở lên.

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ toàn khoá: **60 tín chỉ**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC, GDQP)	7
	Học phần bắt buộc	4
	Học phần tự chọn	3
II	Kiến thức ngành	13
III	Kiến thức chuyên ngành	28
	Học phần bắt buộc	22
	Học phần tự chọn	6
IV	Thực tập thực tế và tốt nghiệp	12
	Chuyên đề thực tập thực tế	6
	Đề án tốt nghiệp	6
Tổng số:		60

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		7						
	Học phần bắt buộc		4						
1	2050001	Triết học nâng cao	4	45	5	5	5	135	
	Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)		3						
2	2015103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	3	30	5	5	5	135	
3	2050010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	30	5	5	5	135	
II	Kiến thức ngành		13						
4	2020001	Kinh tế học nâng cao	3	30	5	5	5	135	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
5	2022201	Quản lý Nhà nước về kinh tế nâng cao	3	30	5	5	5	135	
6	2011201	Luật kinh tế nâng cao	3	30	5	5	5	135	
7	2022001	Kinh tế phát triển nâng cao	2	20	5	5		135	
8	2022002	Phân tích chính sách kinh tế nâng cao	2	15	5	5	5	135	
III	Kiến thức chuyên ngành		28						
	Học phần bắt buộc		22						
9	2023310	Quản trị chiến lược nâng cao	2	30	5	5	5	135	
10	2023309	Quản trị doanh nghiệp nâng cao	2	30	5	5	5	135	
11	2022301	Quản lý chương trình dự án nâng cao	3	30	5	5	5	135	
12	2022302	Thương mại quốc tế và chính sách	3	30	5	5	5	135	
13	2021307	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	2	15	5	5	5	90	
14	2022303	Quản lý thuế nâng cao	2	15	5	5	5	90	
15	2022304	Quản lý phát triển bền vững	2	15	5	5	5	90	
16	2022305	Quản lý chất lượng	2	15	5	5	5	90	
17	2021301	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2	5		5	20	90	
18	2022306	Quan hệ công chúng	2	10		10	10	135	
	Học phần tự chọn (chọn 3 học phần)		6						
19	2022307	Kinh tế lượng	2	15	5	5	5	90	
20	2022308	Kinh tế đầu tư	2	15	5	5	5	90	
21	2022309	Kinh tế thương mại dịch vụ	2	15	5	5	5	90	
22	2022310	Quản lý tài nguyên và môi trường	2	15	5	5	5	90	
23	2022311	Quản lý tài chính công	2	15	5	5	5	90	
24	2023203	Quản trị Marketing nâng cao	2	15	5	5	5	90	
25	2022312	Phát triển nông nghiệp xanh và bền vững	2	15	5	5	5	90	
26	2023302	Quản trị rủi ro nâng cao	2	15	5	5	5	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
IV	Thực tập thực tế và tốt nghiệp		12						
27	2021401	Chuyên đề thực tập thực tế	6			45	45		
28	2021402	Đề án tốt nghiệp	6					90	
		Tổng số	60						

3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Thời gian, địa điểm học	Năm 1		Năm 2	
Dự kiến học kỳ	1	2	3	4
Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ	16	14	18	12

Bảng chi tiết kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ	Bố trí học kì			
				1	2	3	4
I	Kiến thức giáo dục đại cương		7				
	Học phần bắt buộc		4				
1	2050001	Triết học nâng cao	4	4			
	Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)		3				
2	2015103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	3				
3	2050010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3			
II	Kiến thức ngành		14				
4	2020001	Kinh tế học nâng cao	3	3			
5	2022201	Quản lý Nhà nước về kinh tế nâng cao	3	3			
6	2011201	Luật kinh tế nâng cao	3	3			
7	2022001	Kinh tế phát triển nâng cao	2		2		
8	2022002	Phân tích chính sách kinh tế nâng cao	2		2		
III	Kiến thức chuyên ngành		28				
	Học phần bắt buộc		22				
9	2023310	Quản trị chiến lược nâng cao	2		2		
10	2023309	Quản trị doanh nghiệp nâng cao	2		2		

11	2022301	Quản lý chương trình dự án nâng cao	3		3		
12	2022302	Thương mại quốc tế và chính sách	3		3		
13	2021307	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	2			2	
14	2022303	Quản lý thuế nâng cao	2			2	
15	2022304	Quản lý phát triển bền vững	2			2	
16	2022305	Quản lý chất lượng	2			2	
17	2021301	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2			2	
18	2022306	Quan hệ công chúng	2			2	
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)		6				
19	2022307	Kinh tế lượng	2				
20	2022308	Kinh tế đầu tư	2				
21	2022309	Kinh tế thương mại dịch vụ	2				
22	2022310	Quản lý tài nguyên và môi trường	2			2	
23	2022311	Quản lý tài chính công	2			2	
24	2023203	Quản trị Marketing nâng cao	2				
25	2022312	Phát triển nông nghiệp xanh và bền vững	2				
26	2023302	Quản trị rủi ro nâng cao	2			2	
IV	Thực tập thực tế và tốt nghiệp		12				
27	2021401	Chuyên đề thực tập thực tế	6				6
28	2021402	Đề án tốt nghiệp	6				6
		Tổng số	60				

4. Ma trận các học phần hình thành năng lực gồm: Kiến thức, Kỹ năng/ phẩm chất đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

(Phụ lục đính kèm Phụ lục 01)

PHỤ LỤC 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG MA TRẬN NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA THEO THANG BLOOM

TT	MÃ HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA										
			Kiến thức			Kỹ năng nghề nghiệp				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	TC1	TC2	TC3	TC4			
I	Kiến thức giáo dục đại cương												
	Học phần bắt buộc												
1	2050001	Triết học nâng cao	2							4			
	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)												
2	2015103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	3						4	2	3	4
3	2050010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3						4	2	3	4
II	Kiến thức ngành												
4	2020001	Kinh tế học nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4

5	2022201	Quản lý Nhà nước về kinh tế nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
6	2011201	Luật kinh tế nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
7	2022001	Kinh tế phát triển nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
8	2022002	Phân tích chính sách kinh tế nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
III	Kiến thức chuyên ngành												
	Học phần bắt buộc												
9	2023310	Quản trị chiến lược nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
10	2023309	Quản trị doanh nghiệp nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
11	2022301	Quản lý chương trình dự án nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
12	2022302	Thương mại quốc tế và chính sách	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
13	2021307	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	3	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
14	2022303	Quản lý thuế nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
15	2022304	Quản lý phát triển bền vững	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
16	2022305	Quản lý chất lượng	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
17	2021301	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
18	2022306	Quan hệ công chúng	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4

	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)												
19	2022307	Kinh tế lượng	3	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
20	2022308	Kinh tế đầu tư	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
21	2022309	Kinh tế thương mại dịch vụ	2		3	4	2	2	2	4	2	3	4
22	2022310	Quản lý tài nguyên và môi trường	2		3	4	2	2	2	4	2	3	4
23	2022311	Quản lý tài chính công	2		3	4	2	2	2	4	2	3	4
24	2023203	Quản trị Marketing nâng cao	2		3	4	2	2	2	4	2	3	4
25	2022312	Phát triển nông nghiệp xanh và bền vững	2		3	4	2	2	2	4	2	3	4
26	2023302	Quản trị rủi ro nâng cao	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4
IV	Thực tập thực tế và tốt nghiệp												
27	2021401	Chuyên đề thực tập thực tế	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	4
28	2021402	Đề án tốt nghiệp	2	3	3	4	2	2	2	4	2	3	4

PHỤ LỤC 02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày tháng năm 2021

BẢNG DANH SÁCH HỌC PHẦN VÀ GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH

TT	Tên học phần	Tên giảng viên phụ trách	Học hàm /Học vị	Khoa/Bộ môn	Cơ hữu/Thỉnh giảng	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
...						

Lưu ý: - Mỗi học phần có thể do 1 hoặc nhiều giảng viên giảng dạy; xếp theo thứ tự ưu tiên.

- Mỗi giảng viên giảng dạy không quá 03 học phần.

TM. BAN CHỦ NHIỆM KHOA
TRƯỞNG KHOA



GS.TS Ngô Xuân Bình

